

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Về việc: “Sửa chữa máy lạnh phòng CIP 1 khu vực tầng 1 ga Quốc Nội”

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP tổ chức mời chào giá rộng rãi hạng mục mua sắm “Sửa chữa máy lạnh phòng CIP 1 khu vực tầng 1 ga Quốc Nội”.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

1.1 Yêu cầu đối với hàng hóa: Yêu cầu chào đúng hàng hóa với quy cách, số lượng như sau:

STT	Tên, qui cách hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng
	I. VẬT TƯ CHÍNH:		
1	Máy điều hòa nhiệt độ Daikin loại cassette âm trần đa hướng thổi Model: FCNQ48MV1/RNQ48MY1 - Bao gồm Remote không dây - Xuất xứ: Thái Lan, bảo hành 1 năm	bộ	4
2	Gas lạnh R410A Chemours US (11.35kg/bình) (Kèm theo Bản sao y bản chính CO và COA, Packing List và Bill of Lading của nhà sản xuất)	bình	2
3	Ống cách nhiệt Thermobreak, Sekisui (Thái Lan) size: ID15.9x25mm (2m/ống) (loại không xẻ rãnh)	ống	75
4	Ống cách nhiệt Thermobreak, Sekisui (Thái Lan) size: ID9.5x25mm (2m/ống) (loại không xẻ rãnh)	ống	75
5	Ống cách nhiệt Thermobreak, Sekisui (Thái Lan) size: ID33.4x10mm (2m/ống) (loại không xẻ rãnh)	ống	10
6	Băng keo Thermobreak foil tape, Sekisui (Thái Lan) 9um x 50mmW x 50mL	cuộn	5



7	Keo dán cách nhiệt Aeroseal (700gram/lon)	lon	2
8	Ống đồng hiệu LHCT Ø9.5 x 1mm (15mét/cuộn)	cuộn	12
9	Ống đồng hiệu LHCT Ø15.9 x 1mm (15mét/cuộn)	cuộn	12
10	Khớp nối ống đồng Suhring Ø9.5mm + ống lót	cái	15
11	Khớp nối ống đồng Suhring Ø15.9mm + ống lót	cái	15
12	Nối ống đồng Ø9.5 x 1mm	cái	10
13	Nối ống đồng Ø15.9 x 1mm	cái	10
14	Co ống đồng Ø9.5 x 1mm	cái	15
15	Co ống đồng Ø15.9 x 1mm	cái	15
16	Khung đặt dàn nóng thép V50x50x5mm mạ kẽm nhúng nóng, kích thước (LxWxH): 900x400x100mm (chi tiết chân dàn nóng - bản vẽ số M02/02)	cái	4
17	Sắt V40x40mm dày 4mm mạ kẽm nhúng nóng (3m/cây) (bao gồm phí vận chuyển)	cây	5
18	Sắt U tráng kẽm có đục lỗ, kích thước 41Wx41Hx3000L	cây	5
19	Bê tông cốt thép mác 300 - Kích thước 2400x700x150mm. - Sắt D6mm x □150 (bao gồm chi phí vận chuyển đến vị trí lắp đặt tầng mái ga Quốc nội)	cái	2
20	Máng tôn tráng kẽm dày 1.2mm (kèm nắp máng và nối máng), KT: 300x150mm	mét	14
21	Máng tôn tráng kẽm dày 1.2mm (kèm nắp máng và nối máng), KT:150x150mm	mét	4
22	Co ngang bằng tôn tráng kẽm dày 1.2mm, kích thước 300x150mm (kèm nắp)	cái	2
23	Tê giảm bằng tôn tráng kẽm dày 1.2mm, kích thước 300x150/150x150mm (kèm nắp)	cái	3
24	Nối máng bằng tôn tráng kẽm dày 1.2mm, H150mm	cái	30
25	MCB 3P 16A 6kA (P/N: A9K24316) - Schneider hoặc tương đương	cái	4
26	Cáp CVV-4x4mm ² - Cadivi	mét	100
27	Cáp CV-4mm ² (màu sọc vàng xanh) - Cadivi	mét	100
28	Cáp CVV-4x2.5mm ² - Cadivi	mét	170

29	Ống kim loại E25 (3,66 mét/ống) - Cát Vạn Lợi	ống	15
30	Khớp nối tron E25 - Cát Vạn Lợi	cái	15
31	Đầu nối E25 - Cát Vạn Lợi	cái	8
32	Kẹp giữ ống E25 - Cát Vạn Lợi	cái	8
33	Ống mềm kim loại bọc PVC E25 (50 mét/cuộn) - Ấn Độ	cuộn	1
34	Đầu nối ống mềm E25 với hộp điện (P/N: DNCK34) - Cát Vạn Lợi	cái	12
35	Đầu nối ống mềm E25 với ống thép (P/N: ADNCE34) - Cát Vạn Lợi	cái	12
36	Kẹp kim loại cố định ống E25 vào ty treo (P/N: PTO25) - Cát Vạn Lợi	cái	45
37	Ống PVC D25 - SP (2.92 mét/cây)	ống	8
38	Khớp nối tron PVC D25 - SP	cái	10
39	Đầu nối + Khớp nối vắn răng PVC D25 - SP	cái	20
40	Kẹp PVC D25 - SP	cái	24
41	Ống mềm PVC D25 - SP (50 mét/cuộn)	mét	20
42	Que hàn ống đồng Harris	cây	15
43	Gas mini Inox Namilux (250g/lon)	lon	5
44	Que hàn Kobe RB26 - 3.2mm (5kg/hộp)	kg	5
45	Sơn mạ kẽm ZRC - 2,7kg/lon (xuất xứ Mỹ)	lon	1
46	Tắc kê đạn Fischer M10x40	con	100
47	Ty treo ren suốt M10 (3mét/cây)	cây	10
48	Đai ốc M10 (tán M10)	cái	200
49	Vòng đệm M10 dày 2mm	cái	200
50	Bu lông mạ kẽm M10x40	cái	200
51	Bu lông đầu tròn cổ vuông M8x15 kèm đai ốc + vòng đệm	bộ	200
52	Đá cắt sắt Makita D100x2x16mm - A85123	viên	10
53	Đá cắt sắt Makita D355x3x25.4mm - B10730	viên	2
54	Đá mài sắt Makita D100x6x16mm - A80911	viên	2
55	Lưỡi cưa lộng răng nhuyễn Bosch T118A	cái	20
56	Mũi khoan bê tông Makita (đuôi gài) Ø12mm dài 160mm	cái	2

57	Mũi khoan bê tông Makita (đuôi gài) Ø10mm dài 160mm	cái	2
58	Mũi khoan bê tông Makita (đuôi gài) Ø8mm dài 160mm	cái	2
59	Mũi khoan sắt Nachi D4.2x83mm	cái	10
60	Mũi khoan sắt Nachi D8x114mm	cái	5
61	Mũi khoan sắt Nachi D10x130mm	cái	5
62	Mũi khoan sắt Nachi D12x149mm	cái	5
63	Vít cấy đuôi cá 4.2x13 Patta (1000con/bịch)	bịch	1
64	Đầu vặn vít bake Makita Ph2x110mm - D34833 (10cái/vì)	bộ	1
65	Đầu vặn bulông Makita - B39176 (5cái/bộ)	bộ	1
66	Simili quần ống đồng	kg	5
67	Keo Sikaflex Pro-3WF (600ml/tuýp)	tuýp	5
68	Ống nhựa Bình Minh Ø34 dày 3mm (4mét/cây)	cây	2
69	Co nhựa 90 độ Bình Minh Ø34D	cái	15
70	Co nhựa 45 độ Bình Minh Ø34D	cái	15
71	Tê nhựa Bình Minh Ø34D	cái	5
72	Nối giảm nhựa Bình minh Ø42/34D	cái	5
73	Nối ren ngoài nhựa Bình Minh Ø34D	cái	5
74	Nối ren trong nhựa Bình Minh Ø34D	cái	5
75	Nút bích ren ngoài nhựa Bình Minh Ø34D	cái	5
76	Keo dán ống nhựa Bình Minh (200gr/lon)	lon	2
77	Cùm treo ống Ø49	cái	30
78	Cùm treo ống Ø60	cái	30
79	Găng tay bảo hộ bằng len (loại có phủ hạt nhựa)	đôi	20
80	Kính bảo hộ chống vật văng bắn (màu trắng)	cái	5
81	Lưỡi cưa sắt 30cm	cái	3
82	Dao rọc giấy SDI 0423	cái	3
83	Trần nhôm loại vuông Clip In 600x600, dạng lỗ 1/2 phần	tấm	10
84	Mũi khoét sắt Ø25 - Nhật	cái	2
85	Mũi khoan bê tông Ø12 - Nhật	cái	2

86	Băng keo điện - Nano	cuộn	5
87	Vít cấy M4x15 (100 con/bịch)	bịch	1
88	Silicone Apollo 300	tuýp	5
89	Ty ren răng suốt M10 (2m/cây) (P/N: TY10) - Cát Vạn Lợi	cây	15
90	Tắc kê dẫn nổ M10x30 (100 con/bịch)	bịch	1
91	Đai ốc M10 + vòng đệm (100 con/bịch)	bịch	1
92	Đất sét làm kín tủ điện - Neoseal B3 (1kg/bịch)	bịch	5
93	Đầu cosse đúc 16mm ² (50 cái/bịch)	bịch	1
94	Bọc đầu cosse đúc 16mm ² (03 màu: đỏ, vàng, xanh)	cái	45

1.2 Yêu cầu chất lượng, kỹ thuật hàng hóa:

Chào đúng chủng loại, mã vật tư, quy cách, thông số kỹ thuật theo dự toán, nếu chào loại tương đương thì phải là loại có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng tương đương và kèm tài liệu kỹ thuật chứng minh.

a) *Thiết bị máy lạnh: nhà sản xuất Daikin hoặc tương đương.*

STT	Tính năng thiết bị	Yêu cầu chi tiết
1.	Công suất lạnh	≥ 48.000 Btu/h (Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: nhiệt độ gió hồi 27° CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB; (giá trị được đo trong phòng cách âm theo tiêu chuẩn và thông số JIS)
2.	Điện áp	Cấp nguồn dân nóng 3 Pha, 380÷415V, 50Hz, dân lạnh 1 pha, 220÷240V, 50Hz
3.	Máy nén	Máy nén: kiểu xoắn ốc dạng kín, công suất: 4500W
4.	Chiều dài đường ống gas tối đa	≥ 50m (chiều dài tương đương 70m)
5.	Chênh lệch độ cao dàn nóng – dàn lạnh	≥ 30m
6.	Đường ống gas lỏng	9.5 mm
7.	Đường ống gas hơi	15.9 mm

8.	Hệ số hiệu quả năng lượng COP	≥ 2.80
9.	Hệ số hiệu suất lạnh CSPF	≥ 2.97
10.	Môi chất lạnh	R-410A
	Dàn lạnh	
11.	Lưu lượng gió (cao/thấp)	$\geq 1165/794$ CFM
12.	Độ ồn (cao/thấp)	$\leq 44/36$ dBA
13.	Kích thước thiết bị (cao x rộng x sâu):	$\leq 298 \times 840 \times 840$ (mm)
14.	Kích thước mặt nạ (cao x rộng x sâu):	$50 \times 950 \times 950$ (mm)
15.	Khối lượng	≤ 24 kg
16.	Dãy nhiệt độ hoạt động	14 đến 25°CWB
	Dàn nóng	
17.	Độ ồn	≤ 58 dB(A)
18.	Kích thước (Cao x rộng x sâu)	$\leq 1345 \times 900 \times 320$ (mm)
19.	Khối lượng	≤ 111 kg
20.	Dãy nhiệt độ hoạt động	21 đến 46°CDB

b) Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hệ thống ống dẫn môi chất lạnh: nhà sản xuất LHCT Thái Lan hoặc tương đương.

STT	Tính năng thiết bị	Yêu cầu chi tiết
1.	Vật liệu	Đồng
2.	Tiêu chuẩn	ASTM B280
3.	Độ dày: Ống đường kính 9.5mm Ống đường kính 15.9mm	1 mm 1 mm
4.	Phụ kiện đường ống	Độ dày tương ứng với độ dày ống

c) Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hệ thống ống nước ngưng: nhãn hiệu Bình Minh hoặc tương đương.

STT	Tính năng thiết bị	Yêu cầu chi tiết
1.	Vật liệu	uPVC
2.	Tiêu chuẩn	BS 3505:1968
3.	Độ dày, áp suất Ống đường kính ngoài 34mm	3,0mm – 20 bar
4.	Phụ kiện đường ống	Độ dày tương ứng với độ dày ống

d) *Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hệ thống cách nhiệt: nhà sản xuất Sekisui hoặc tương đương.*

STT	Tính năng thiết bị	Yêu cầu chi tiết
1.	Độ dày cách nhiệt đường ống dẫn môi chất lạnh	25mm
2.	Độ dày cách nhiệt đường ống nước ngưng	10mm
3.	Tỷ trọng cách nhiệt	$\geq 25 \text{ kg/m}^3$
4.	Độ dẫn nhiệt	0.032 W/m.K ở 23°C
5.	Vật liệu	Polyolefin foam cấu trúc ô kín được sản xuất bằng công nghệ liên kết vật lý (Physically crosslinked technology), bề mặt cách nhiệt có lớp nhôm nguyên chất có lớp lưới tăng cứng bên dưới tại Nhà máy cho cách nhiệt dạng ống.
6.	Tiêu chuẩn	ASTM C518
7.	Tiêu chuẩn chống cháy	FM Approved (FM 4924); BS 476 part 6 & 7 Class O; ISO 5659 (1994)

e) *Các vật tư phụ khác (máng tôn, ty treo, khung đỡ dàn nóng, dàn lạnh...):*

- Sản xuất các chi tiết cơ khí theo đúng yêu cầu về quy cách, mẫu mã, kích thước nêu tại dự toán và các bản vẽ đính kèm.
- Vật liệu sản xuất: Nêu chi tiết theo dự toán và các bản vẽ đính kèm.

f) *Các hệ điều khiển và vật tư điện nguồn:*

- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2020.

- Đúng quy cách mã số, vật tư yêu cầu.

1.3 Yêu cầu về giao hàng và thanh toán:

- Thời gian, địa điểm giao hàng: thời gian thực hiện hợp đồng: 04-06 tuần, giao hàng tại kho Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Giá chào: đề nghị chào giá hàng hóa trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí, thuế GTGT. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- Thanh toán: Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán. Điều kiện tạm ứng không chấp nhận > 20% giá trị hợp đồng.

1.4 Yêu cầu nội dung hồ sơ chào giá: báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- Đơn chào hàng theo Mẫu 01;
- Biểu giá theo Mẫu 02a, 02b;
- Các nội dung cần thiết khác:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực.

1.5 Yêu cầu hiệu lực của hồ sơ chào giá:

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 45 ngày kể từ ngày 26 / 05 /2021.
- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu. Số lượng hồ sơ chào giá: 01 bản gốc và 02 bản chụp

2 Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:

- Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 26 / 05 /2021.
- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:
 - ✓ Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.119) - Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

3 Thông tin liên hệ:

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP
- Phòng Kế hoạch – Đầu tư (P.119)
- Tel: 083.8485.383- Ext: 3255
- Người liên hệ: Ms Phương Thùy.

4 Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư *mm*



GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Cường

BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên hạng mục mua sắm: _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện hạng mục mua sắm _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.
5. Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (chưa VAT)	Thành tiền (chưa VAT) (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
VAT 10%						
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]